

UBND HUYỆN KRÔNG ANA TRƯỜNG TH NGUYỄN VĂN TRỖI Họ và tên: Lớp:	KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I- LỚP 3 Môn: Tiếng anh (Nghe- Đọc- Viết) NĂM HỌC 2021-2022 Thời gian: 40 phút
---	--

PART I. LISTENING (NGHE -5 ĐIỂM)

Task 1. Listen and tick. (Nghe và đánh dấu ✓)

0.	 ☒	 ☐	 ☐
1.	 ☐	 ☐	 ☐
2.	 ☐	 ☐	 ☐
3.	 ☐	 ☐	 ☐
4.	 ☐	 ☐	 ☐

Task 2. Listen and choose numbers. (Nghe và chọn số)



0

1

2

3

4



0



0



0



0



0

Task 3. Listen and number. (Nghe và điền số)



A

0



B



C



D



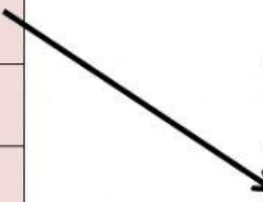
E

Task 4. Listen and write (Nghe và viết)

	0. Nam: Hello. I'm Nam. Quan: Hello, Nam. I'm <u>Quan</u> .
	1. Mai: Who's that? Tony: It's
	2. Miss Hien: How old are you? Linda: I'm years old.
	3. Class: Good morning Mr Loc. Mr Loc: Good morning, class.down, please.
	4. Mai: What colour is your pencil? Nam: It's

PART I. READING AND WRITING (ĐỌC VÀ VIẾT -5 ĐIỂM)

Task 5. Read and match. (Đọc và nối)

A		B
0. <i>What's your name?</i>		a. Yes, it is.
1. How old are you?		b. It's orange.
2. How do you spell your name?		c. <i>My name's Nam.</i>
3. Is your classroom big?		d. I'm ten years old.
4. What colour is your rubber?		e. T-O-N-Y

Task 6. Look, read and choose A, B, C.(Nhìn, đọc và chọn đáp án A, B, hoặc C)



0. *This is my* _____.

A

classroom

B. school

C. gym



1. These are my _____.

A. pencil sharpeners

B. pencil cases

C. notebooks



2. That is my _____.

A. computer room

B. library

C. school



3. Stand _____, please!

A. down

B. up

C. in



4. What colour is your school bag?

- It's _____.

A. blue

B. red

C. pink

Task 7. Look and write the words. (Nhìn và viết các từ)



0.

n p e → *pen*



1.

y m g



2.

k o o b



3.

v e n s e



4.

u e b l

.....

.....

.....

.....

Task 8: Put the words in order. (Sắp xếp các từ theo thứ tự)

0. you?/ How/ are/ → How are you?

1. old/ you?/ are/ How

.....

2. do/ spell/ you/ How/ name?/ your/

.....

3. I/ come/ May/ in?/

.....

4. is/ What/ your/ colour/ case?/ pencil

.....